

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ANTAS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ANTAS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANTAS IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ANTAS

2. Mã số doanh nghiệp: 0109383897

3. Ngày thành lập: 20/10/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 65 Hàm Long, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Trồng cây hàng năm khác	0119
3.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
4.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
5.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
7.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
8.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
9.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
10.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
11.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
12.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
13.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
14.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
15.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
16.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
17.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
19.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
20.	Bán buôn thực phẩm	4632
21.	Bán buôn đồ uống	4633

22.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
23.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649(Chính)
25.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
26.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
29.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
30.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
31.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
32.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
33.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
35.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
36.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
37.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
38.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
39.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
40.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
41.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
42.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
43.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
44.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
45.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
46.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
47.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
48.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
49.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá qua mạng bán lẻ)	4791

50.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay	5229
53.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
54.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
55.	Xuất bản phần mềm (Trừ phát hành chương trình truyền hình, phát sóng)	5820
56.	Lập trình máy vi tính	6201
57.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
58.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
59.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
60.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
61.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư; (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn thuế)	6619
62.	Quảng cáo	7310
63.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
64.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch;	7490
65.	Đại lý du lịch	7911
66.	Điều hành tua du lịch	7912
67.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
68.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 20/10/2020 đến ngày 19/11/2020

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BẢO NINH	Tầng 2 tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	0105970439	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN PHAN HUY KHÔI	CHCCS3514, tòa B, KNOCC, Viglacera, TL N01, số 1 Đại Lộ Thăng Long, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	040082000783	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000		

3	TRẦN THỊ NGỌC HOA	Số 4 ngách 35-37 phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.0 00	10.000.000.000	50,000	B7081347
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.000.0 00	10.000.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ NGỌC HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 19/01/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B7081347

Ngày cấp: 22/08/2012

Nơi cấp: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4 ngách 35-37 phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4 ngách 35-37 phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội